

ỨNG XỬ GIỮA VỢ CHỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH SINH HOẠT GIA ĐÌNH

Đỗ Thị Lệ Hằng
Viện Tâm lý học.

Hoạt động sản xuất kinh tế trong gia đình là một trong những mảng hoạt động quan trọng của mỗi gia đình. Trong các nghiên cứu về gia đình, những nghiên cứu về hoạt động sản xuất kinh tế, chi tiêu trong gia đình chiếm một vị trí khá quan trọng. Có thể thấy rằng, chức năng kinh tế của gia đình bao gồm chức năng tiêu dùng và chức năng sản xuất.

1. Mức độ ra quyết định và thực hiện các hoạt động kinh tế gia đình

Sự khác biệt về quyền quyết định của nam giới và phụ nữ trong nội bộ gia đình là một trong những tiêu chí quan trọng chỉ ra sự phân biệt đối xử theo giới trong gia đình. Có 2 lý do để giải thích cho vấn đề này. Thứ nhất, bắt nguồn từ những định kiến giới rằng phụ nữ thường nông nổi, do dự, do đó không có khả năng ra quyết định, trong khi đó trong làm ăn kinh tế đòi hỏi phải có khả năng ra quyết định nhanh để chớp thời cơ. Lý do thứ hai liên quan đến việc xác định quyền quyết định thường thuộc về chủ hộ gia đình, người trụ cột trong gia đình. Việc xác định chủ hộ trong gia đình là một yêu cầu hành chính ở Việt Nam. Chủ hộ thường là người cao tuổi nhất trong gia đình hoặc là nam giới.

Thực tế trong nghiên cứu này của chúng tôi, phụ nữ và nam giới thường cho rằng họ có vai trò như nhau trong việc ra quyết định trong nội bộ gia đình. Tuy nhiên, những phân tích sâu cho thấy, quyền quyết định cuối cùng những vấn đề quan trọng vẫn thuộc về nam giới. Không ít các nhà nghiên cứu gia đình ở Việt Nam từ góc độ văn hoá đã chỉ ra rằng phụ nữ cũng có quyền trong gia đình thể hiện ở quyền chi tiêu “tay hòm chìa khoá” hoặc có quyền ra quyết định ngầm trong gia đình “lệnh ông không bằng công bà”.

Khi nói về hoạt động sản xuất tạo ra thu nhập trong những gia đình tự kinh doanh, buôn bán nhỏ, chúng tôi quan tâm nhiều đến khả năng ra quyết định cũng như mức độ thực hiện của chồng và vợ. Trong hoạt động sản xuất kinh tế của những hộ kinh doanh, chúng tôi chia làm 4 mảng bao gồm: loại hàng kinh doanh, quy mô kinh doanh, nguồn lấy hàng và nguồn kinh phí. Trong mỗi mảng này vai trò ra quyết định cũng như thực hiện của vợ chồng là khác nhau.

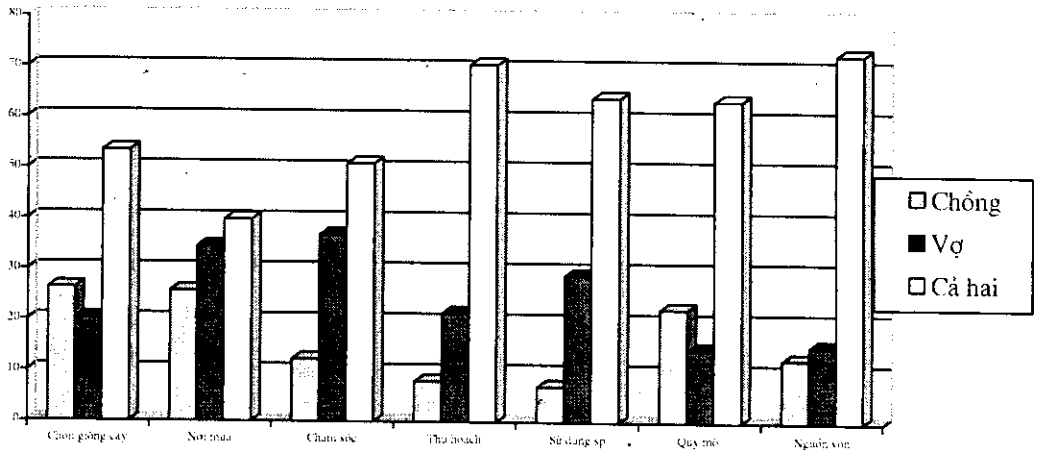
Bảng 1: Mô hình ra quyết định và thực hiện các hoạt động kinh tế của gia đình từ buôn bán nhỏ

| Mức độ ra quyết định và thực hiện của vợ và chồng | Loại hàng kinh doanh | Quy mô kinh doanh | Nguồn lấy hàng | Nguồn kinh phí |
|---|----------------------|-------------------|----------------|----------------|
| Chồng quyết định | 47.9 | 38.9 | 47.9 | 30.1 |
| Chồng thực hiện | 49.3 | 47.9 | 49.3 | 33.8 |
| Vợ quyết định | 17.8 | 22.2 | 21.9 | 17.8 |
| Vợ thực hiện | 7 | 8.5 | 15.5 | 2.7 |
| Cả hai vợ chồng cùng quyết định | 34.2 | 38.9 | 30.1 | 52.1 |
| Cả hai vợ chồng thực hiện | 43.7 | 43.7 | 35.2 | 53.5 |

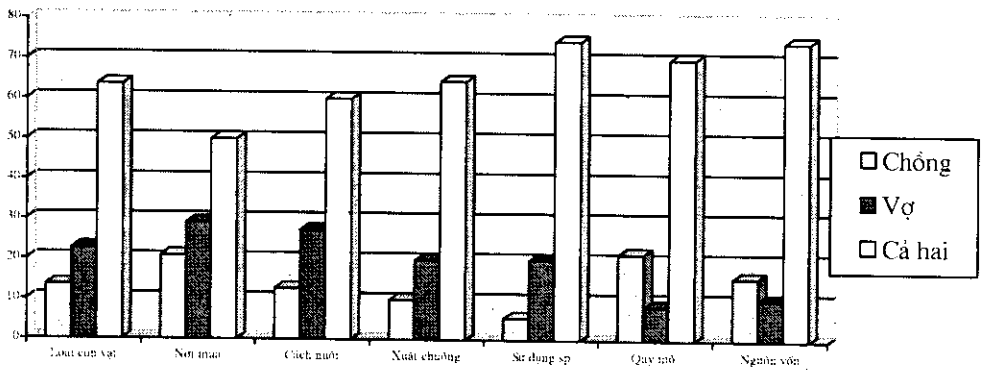
Qua bảng 1 cho thấy, việc quyết định quy mô kinh doanh của gia đình như kinh doanh mặt hàng nào và nguồn lấy hàng ở đâu chủ yếu là do người chồng tự quyết định chiếm khoảng 48% cao hơn nhiều so với người vợ quyết định (17,8% và 15,5%) và cả hai vợ chồng cùng quyết định (34,2% và 30,1%). Về việc ra quyết định tìm kiếm nguồn kinh phí để kinh doanh thì mức độ bàn bạc của hai vợ chồng để ra quyết định cao hơn so với việc chồng hoặc vợ quyết định một mình (52,1% so với 30,1% và 17,8%). Mức độ thực hiện của một mình người vợ trong những gia đình tự kinh doanh cũng rất khiêm tốn thể hiện ở những con số sau: loại hàng kinh doanh (7%), quy mô kinh doanh (8,5%), nguồn lấy hàng (15%) và nguồn kinh phí (2,7%).

Phải chăng vì đây là hoạt động kinh doanh, buôn bán đòi hỏi phải có sự nhanh nhạy và quyết đoán nên phụ nữ ít tham gia vào việc ra quyết định trong lĩnh vực này. Phải chăng hiện nay đang tồn tại một quan niệm về khả năng ra quyết định của phụ nữ không thể bằng nam giới.

Biểu đồ 1: Người chịu trách nhiệm các công việc canh tác trên đất nông nghiệp



Biểu đồ 2: Người chịu trách nhiệm các công việc chăn nuôi



Khi xem xét hoạt động sản xuất kinh tế tại các gia đình làm nông nghiệp chúng tôi nhận thấy một sự phân công lao động khá rõ nét trong công việc đồng áng ở các gia đình nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng. Đối với những gia đình làm nông nghiệp và chăn nuôi thì người chịu trách nhiệm từ khâu chọn giống cây trồng, nơi mua giống cây, đến hình thành quy mô canh tác cũng như tìm kiếm nguồn vốn đều do hai vợ chồng bàn bạc và cùng chịu trách nhiệm (xem biểu đồ 1 và 2). Tuy nhiên, khi xét từ khía cạnh về giới chúng tôi nhận thấy, với những công việc đồng áng và chăn nuôi hầu hết đều do người vợ đảm nhận từ khâu mua giống đến chăm sóc và tìm nguồn vốn. Chúng ta có thể thấy vai trò của người chồng trong những công việc này chủ yếu xuất hiện ở khâu chọn giống và xây dựng quy mô sản xuất trên đất nông nghiệp (26,3% và 22,3% so với 20,2% và 14,3%); quy mô chăn nuôi và vay vốn (21,5% và 15,6% so với 8,4% và 10,1%).

Nhìn chung, có thể nhận thấy vị trí của người phụ nữ trong các gia đình nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng đã đạt được mức độ bình đẳng khá cao,

gần như ngang bằng với nam giới về quyền quyết định những công việc quan trọng trong gia đình liên quan đến hoạt động kinh tế như: loại vật nuôi, nơi mua, cách nuôi, thời điểm xuất chuồng, quy mô chăn nuôi... Trong các công việc trên, tỉ lệ cả hai vợ chồng cùng bàn bạc và đi tới quyết định chiếm áp đảo so với tỉ lệ một mình chồng hay một mình người vợ quyết định (biểu đồ 1 và 2).

Như vậy, chúng ta có thể thấy việc đưa ra quyết định hoạt động kinh tế của gia đình, người đàn ông không còn giữ vai trò độc tôn quyết định với tư cách chủ gia đình như trước nữa, mà ngày nay, sự đồng thuận giữa hai vợ chồng là đặc trưng cơ bản của quan hệ giới trong gia đình, dù ở đô thị hay nông thôn (Vũ Tuấn Huy, 1998). Tuy nhiên, ngày nay vai trò của người phụ nữ đang ngày được nâng cao bởi việc tham gia các hoạt động sản xuất kinh tế cho gia đình. Trên thực tế tại các khu vực nông thôn đồng bằng sông Hồng, các thành viên trong gia đình không chỉ tham gia sản xuất kinh tế tại địa phương mà còn di chuyển ra thành phố hoặc các vùng lân cận để kiếm sống vào những lúc nông nhàn. Chính sự dịch chuyển này đã làm tăng vị thế của phụ nữ nông thôn.

Đặc biệt trong vài năm gần đây, tại khu vực nông thôn, phụ nữ là lực lượng quan trọng trong quá trình chuyển hướng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình cũng như điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương. Đồng thời, nhiều chị em còn quán xuyến và lo toan kinh tế gia đình thay cho chồng đi làm ăn kiếm sống bên ngoài để tăng thu nhập cho gia đình. Do vậy, người phụ nữ nông thôn ngày càng có tiếng nói quyết định trong nhiều hoạt động của đời sống gia đình.

Có thể nhận thấy mức độ quyết định và thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động kinh tế của gia đình tùy thuộc vào tính chất của các hoạt động này. Với những hoạt động liên quan đến buôn bán thì người chồng tự quyết định và thực hiện nhiều hơn so với người vợ. Trong khi đó với những hoạt động kinh tế liên quan đến làm nông nghiệp như chăn nuôi và trồng trọt thì mức độ bàn bạc giữa hai vợ chồng chiếm tỉ lệ cao nhất. Tuy nhiên, khi so sánh khả năng tự ra quyết định và thực hiện một số công đoạn trong nông nghiệp thì phụ nữ tham gia nhiều hơn.

2. Quản lý ngân sách chung trong sinh hoạt gia đình

Việc đóng góp kinh tế vào ngân sách chung của các thành viên là điều kiện để duy trì đời sống vật chất của gia đình. Đóng góp kinh tế có thể dựa trên các hoạt động sản xuất được tổ chức trên phạm vi gia đình, hoặc có thể do từng thành viên thực hiện bên ngoài gia đình. Với câu hỏi gia đình mình có ngân sách chung không? hầu hết những người được hỏi đều cho rằng gia đình họ có ngân sách chung (91,5%).

Câu hỏi đặt ra là ai sẽ là người quản lý ngân sách chung này? Chúng tôi chia ngân sách sinh hoạt chung của gia đình ra làm 3 loại là tiền chi tiêu hàng ngày, tiền nhân rồi và tiền gửi tiết kiệm.

Bảng 2: Người giữ ngân sách sinh hoạt chung của gia đình

| | | Tiền chi tiêu | Tiền nhân rồi | Tiền tiết kiệm |
|------------------|------------|---------------|---------------|----------------|
| Hà Nội | Vợ | 28,7 | 18,5 | 16,7 |
| | Chồng | 0,6 | 4,3 | 7,9 |
| | Cả hai | 1,5 | 9,6 | 14 |
| | Người khác | 1,2 | | |
| Hà Tây | Vợ | 26,5 | 15,9 | 7,0 |
| | Chồng | 2,4 | 7,9 | 14 |
| | Cả hai | 4,9 | 8,3 | 3,9 |
| | Người khác | 0,3 | 0,3 | |
| Thái Bình | Vợ | 26,8 | 16,9 | 13,2 |
| | Chồng | 1,5 | 9,6 | 11,8 |
| | Cả hai | 5,2 | 8,6 | 11 |
| | Người khác | 0,3 | | 0,4 |

Qua bảng 4 chúng ta nhận thấy, ngân sách chi tiêu hàng ngày chủ yếu là do người vợ đảm nhận chiếm 76,3% trong khi đó cả hai vợ chồng cùng quản lý là 11% và người chồng quản lý ngân sách này chỉ có 4,2%. Có thể thấy rằng, vấn đề quản lý chi tiêu gia đình vẫn thuộc về người phụ nữ.

Khi xem xét vai trò của 2 giới trong việc nắm giữ tiền chi tiêu hàng ngày theo khu vực, chúng tôi nhận thấy, trong các gia đình ở Hà Nội, người chồng quản lý tiền chi tiêu này chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ 0,6% so với 2,4% và 1,5% gia đình ở Hà Tây và Thái Bình. Tuy nhiên, những số liệu về việc 2 vợ chồng cùng quản lý tiền chi tiêu ở 2 vùng nông thôn Hà Tây và Thái Bình lại cao hơn so với Hà Nội. Phải chăng nam giới tại hai khu vực nông thôn này đang tham gia nhiều vào việc quản lý chi tiêu trong gia đình. Các số liệu nghiên cứu trước đây cho thấy ở khắp nơi từ nông thôn đến thành thị, phụ nữ luôn là người đảm nhận chính các công việc tái sản xuất trong gia đình như công việc nội trợ, chăm sóc con cái, chăm sóc người già, người ốm...

"Em ở nhà em chi tiêu tất. Em là người quyết định chi tiêu tất. Anh chỉ là người kiếm ra tiền. Tức là khi chi tiêu một cái gì em cũng tham gia bàn bạc với chồng, ví dụ như em định cho con từng này thì ý anh như thế nào. Nghĩa là cũng phải hỏi ý kiến của chồng chứ không phải mình quyết định hết. Anh kiếm ra tiền thì đưa cho vợ giữ hết nhưng khi mà chi tiêu việc gì thì cũng phải thông qua chồng". (T. T. T, nữ, Thái Bình).

Như vậy là, cho dù trong phần lớn các gia đình, người vợ là người giữ tiền, nhưng quyết định lớn trong gia đình như mua sắm tài sản đất tiền, tổ chức đám cưới, xây sửa nhà cửa... vẫn thuộc về ông chồng (do cả nhân tố chủ quan và khách quan). Song theo thời gian, quan hệ vợ chồng trong gia đình ngày càng dân chủ bình đẳng hơn, thể hiện ở tỉ lệ cả hai vợ chồng cùng tham gia vào các quyết định chi tiêu lớn trong gia đình ngày càng tăng.

Với những khoản tiền nhàn rỗi trong gia đình, người vợ vẫn là người nắm giữ chủ yếu. Trên thực tế khi so sánh việc quản lý khoản tiền này với tiền chi tiêu hàng ngày, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy tỉ lệ người chồng tham gia quản lý tiền của gia đình cũng tăng lên một cách đáng kể. Việc người chồng ít tham gia quản lý khoản tiền nhàn rỗi của gia đình được thể hiện tại cả 3 điểm khảo sát. Khi so sánh tỉ lệ người chồng quản lý tiền nhàn rỗi giữa 3 khu vực là Hà Nội, Hà Tây và Thái Bình, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt đáng kể và có ý nghĩa về mặt thống kê. Tỉ lệ một mình người chồng trong các gia đình Hà Nội tham gia vào việc quản lý tiền nhàn rỗi ít hơn so với Hà Tây và Thái Bình (4,3% so với 7,9% và 9,6%). Tuy nhiên, tỉ lệ cả hai vợ chồng cùng tham gia quản lý tiền nhàn rỗi ở Hà Nội lại cao hơn so với 2 tỉnh còn lại (9,6% so với 8,3% và 8,6%).

Tiếp đến khi xem xét số lượng hai vợ chồng tham gia quản lý tiền tiết kiệm, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ này tăng lên một cách đáng kể so với 2 khoản tiền trên: 14% ở Hà Nội; 11% ở Thái Bình. Tuy nhiên, tỉ lệ này không xuất hiện ở địa bàn nghiên cứu Hà Tây (3,9%). Tiền tiết kiệm là khoản tiền quan trọng không chỉ là thước đo đánh giá thu nhập của gia đình mà nó còn là sự tích lũy của mỗi gia đình. Có thể thấy trong xã hội hiện đại, việc cả hai vợ chồng cùng tham gia quản lý tiền tiết kiệm thể hiện sự bình đẳng giữa hai giới trong việc nắm giữ và tiếp cận tài sản của gia đình.

Từ kết quả phân tích quan hệ vợ chồng trong gia đình Bắc bộ có thể nhận thấy rằng trong gia đình hiện nay đã và đang diễn ra rất nhiều yếu tố mới chứng minh cho sự bình đẳng giới giữa vợ và chồng. Nếu như trước đây, chủ yếu người chồng – người đàn ông là trụ cột kinh tế gia đình, thì nay cả vợ – người phụ nữ đã có nhiều đóng góp quan trọng cho kinh tế gia đình, có nhiều người có sự độc lập kinh tế. Trong lĩnh vực hoạt động sản xuất để duy trì cuộc sống gia đình, phụ nữ là người đóng góp công sức không thua kém gì nam giới, đặc biệt họ là người đóng góp nhiều công sức đối với việc chăn nuôi, trồng trọt. Đối lĩnh vực quản lý ngân sách gia đình, người phụ nữ không chỉ là “tay hòm chìa khóa” trong chi tiêu hàng ngày mà đã tham gia nhiều hơn trong việc quản lý tài sản chung của gia đình. Đây là những chỉ báo thể hiện sự bình đẳng giữa 2 giới trong các công việc gia đình.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Vân, Nguyễn Linh Khiếu. *Gia đình Việt Nam và Phụ nữ trong gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
2. Trần Thị Vân Anh. *Gia đình và hoạt động tiêu dùng*. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 1, 2004.
3. Vũ Tuấn Huy. *Biến đổi cơ cấu gia đình và vai trò phụ nữ*. Đề tài cấp Bộ, 1998.
4. Trần Thị Minh Đức, Hoàng Xuân Dung, Đỗ Hoàng. *Định kiến và phân biệt đối xử theo giới*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
5. Đỗ Thị Bình. *Mối quan hệ giữa vợ chồng trong gia đình Việt Nam giai đoạn mới*. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ. Số 2, 2004.
6. Nguyễn Thị Phương Hoa. *Mô hình quản lý tiền trong hộ gia đình*. Báo cáo kết thúc khóa học liên ngành 2005.